



tiān luàn

添乱

verb phrase · to add trouble

Example Sentences

Nǐ bié zài zhè lǐ tiān luàn le
你别在这里添乱了。

Don't add trouble here.

Tā běn lái xiǎng bāng máng jié guǒ fǎn ér tiān luàn le
他本来想帮忙，结果反而添乱了。

He originally wanted to help, but instead he added trouble.

Trace each character, then write the word on your own.

添	添	添	添	添	添	添	添	添	添	添
添	添	添								

乱	乱	乱	乱	乱	乱	乱	乱	乱	乱	乱
